TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Về 2 bài thơ của Không Lộ Thiền Sư được chép trong Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục - chuyện rắc rối và cách xử lý

ISSN: 2734-9195 10:25 06/05/2026

Về câu chữ, bài thơ của Không Lộ phần nhiều giống với bài thơ của Lý Cao (Lý Ngao) nhưng về tâm thế và tư thế của con người cùng chủ đề trong hai bài thơ thì khác nhau...

Tác giả: **PGS.TS Nguyễn Công Lý(1)**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 5/2026

Trong sách Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục 禪苑集英語綠 bản khắc in niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) đời Lê Dụ Tông (trị vì 1705-1729), ký hiệu A.3144 lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có chép 68 tiểu truyện các vị cao tăng thiền sư thuộc hai dòng Thiền được truyền vào Việt Nam là dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi và dòng Vô Ngôn Thông. Trong đó có tiểu truyện của Không Lộ thiền sư.

Trong nội dung chép lại hành trạng của Không Lộ thì có ghi lại hai bài thơ của ngài là Ngôn hoài và Ngư nhàn. Sau đó trong các bộ thi tuyển xưa và nay như Toàn Việt thi lục của Lê Quý Đôn, Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Bích, Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập 2 của Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ngọc San biên soạn (1962), Thơ văn Lý – Trần tập 1 của Viện Văn học (1977) đều có tuyển hai bài thơ này và ghi tác giả là Không Lộ.

Từ đó, trong các sách giáo khoa Văn học, Ngữ văn và các bộ văn học sử Việt Nam đều ghi là của Không Lộ thiền sư.



Nhưng khoảng vài ba mươi năm trở lại đây, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã đặt một số nghi vấn về bản quyền và xuất xứ và vấn đề này đến nay vẫn chưa ngã ngũ, dù các nhà nghiên cứu phần lớn thừa nhận tác quyền của hai bài thơ thuộc về Trung Quốc? Chẳng hạn năm 1992, trên Tạp chí Văn học số 4, Hà Văn Tấn cho rằng bài Ngôn hoài là của Lý Tường(2) viết về tiếng cười của thiền sư Duy Nghiễm có ghi lại trong Cảnh Đức truyền đăng lục đời Tống(3). Cũng trên Tạp chí Văn học số 5 năm 2002, trên cơ sở trao đổi ý kiến với Lê Đức Niệm, rồi Bùi Duy Tân đã viết một bài về xuất xứ của bài Ngư nhàn là của Hàn Ô (Ốc) 韓偓 thời Văn Đường đó chép trong
Toàn Đường thi(4).

Chuyện rắc rối tác quyền, thế hệ hôm nay sẽ xử lý như thế nào?

Sách Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục 禪苑集英 語綠 đã chép bài Ngư nhàn 漁閒 của Không Lộ như sau:

萬里青江萬里天, 一村桑柘一村煙.
漁翁睡著無人喚, 過午醒來雪滿船.

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên,
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên.
Ngư ông thụy trước vô nhân hoán,
Quá ngọ tỉnh lai tuyết mãn thuyền.

Kiều Thu Hoạch dịch:

Trời xanh nước biếc muôn trùng,
Một thôn sương khói, một vùng dâu đay.
Ông chài ngủ tít ai lay,
Quá trưa tỉnh dậy, tuyết bay đầy thuyền.(5)

Nguyễn Công Lý dịch:

Sông xanh muôn dặm, trời muôn dặm,
Một xóm dâu gai, một xóm mây.
Ông chài say ngủ không ai gọi,
Quá trưa tỉnh dậy, tuyết rơi đầy.(6)

Trời cao, sông rộng. Không gian thật bao la bát ngát. Một vùng nông thôn trù phú với dâu gai mơn mởn một màu xanh ngăn ngắt. Con người thật tự do tự tại, say ngủ trong cảnh thiên nhiên rộng mở ấy. Con người ấy mang chiều kích của vũ trụ, hòa cùng vũ trụ. Con người ấy đã đạt được tâm vắng lặng trống không, vô phân biệt, quên mình, quên vật, sống trọn vẹn với bản thể vốn có, hòa với vũ trụ vô cùng. Đó là hình ảnh thiên nhiên hiện thực trong văn học Phật giáo đời Lý. Hình ảnh thiên nhiên này thường lung linh diễm lệ, bộc lộ niềm say mê rung cảm của thiền sư - thi nhân trước vẻ đẹp muôn màu muôn sắc đầy sức lôi cuốn quyến rũ, sinh động. Thiên nhiên ấy là thiên nhiên hiện thực trong cuộc sống, gần gũi với con người, được con người phương Đông thời trung đại cảm nhận thông qua cảm thức ‘thiên nhân tương dữ’, ‘thiên nhân tương cảm’, ‘trong vũ trụ có ta, trong ta có cả vũ trụ’. Đến với thiên nhiên ấy cũng là cách để con người giải tỏa tâm linh, thư giãn tâm trí, xua đi những lo âu phiền muộn của cuộc đời bận rộn. Sống với thiên nhiên, con người sẽ được tự do, tiêu dao, tự tại, không cần biết đến thời gian ngày tháng trôi qua và lúc này, con người sẽ tha hồ thưởng ngoạn cảnh mây biếc núi xanh, trăng sáng nước trong, hoa nở bướm lượn, với tâm hồn khoáng đạt rộng mở.



Bùi Duy Tân trong một bài viết trên Tạp chí Văn học số 5/2002, đã trao đổi và ghi lại ý kiến của Lê Đức Niệm để khẳng định rằng tác giả đích thực của bài thơ này là ông Hàn Ô 韓 偓 (842-923)(7) thời Vãn Đường, Trung Quốc và bài thơ này có nhan đề là Túy trước 醉著. Bài thơ có chép trong Toàn Đường thi, Quyển hạ, Đệ thập hàm, Đệ thất sách, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1995, trang 1710(8) như sau:

萬里青江萬里天, 一村桑柘 [一作:花柳] 一村煙.
漁翁醉著無人喚, 過午醒來雪滿船.

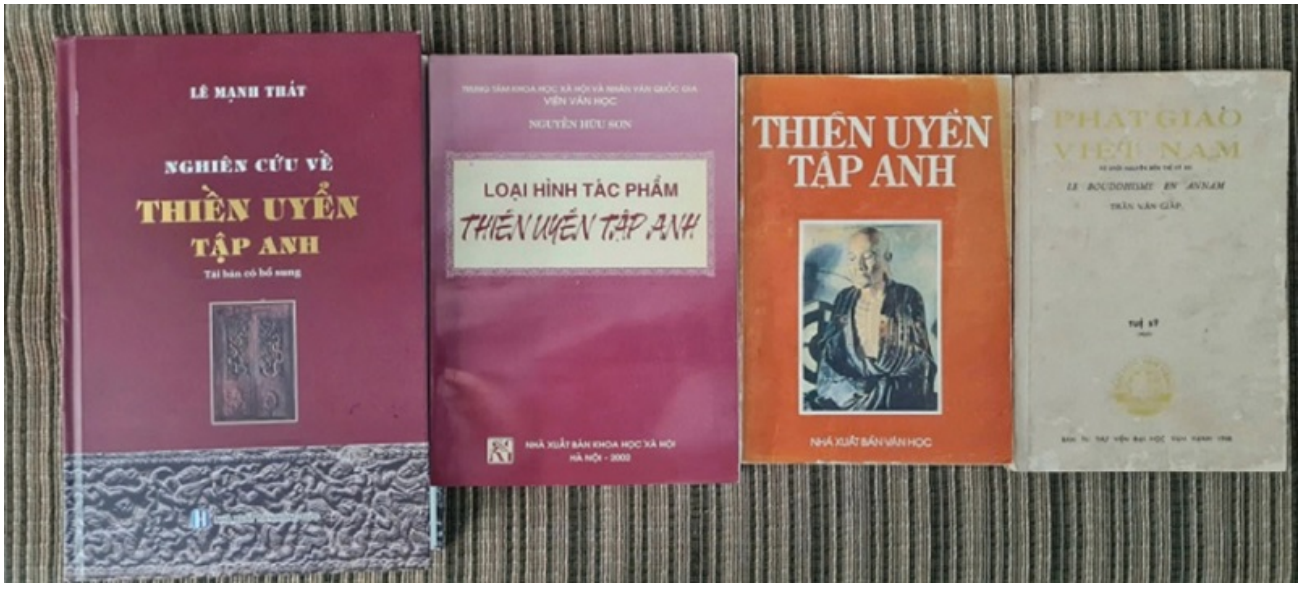
Vạn lý thanh giang vạn lý thiên,
Nhất thôn tang giá [nhất tác hoa liễu] nhất thôn yên.

Ngư ông túy trước vô nhân hoán,
Quá ngọ tỉnh lai tuyết mãn thuyền.

(Muôn dặm sông trong xanh, muôn dặm trời,
Một làng dâu gai [một bản khác: hoa liễu], một làng mây khói.
Ông chài say rượu ngủ tít, không ai lay gọi,
Quá trưa tỉnh dậy, tuyết phủ đầy thuyền.)

So sánh bài Túy trước 醉著 của Hàn Ô trong Toàn Đường thi với bài Ngư nhàn của Không Lộ trong Thiền uyển tập anh ngữ lục thì bài này có khác một chữ "túy" (say), có thêm dị bản: "hoa liễu" thay vì "tang giá" và khác thi đề: "Túy trước". Câu thứ ba của bài Ngư ông túy trước vô nhân hoán (Ông chài say rượu ngủ tít, không ai lay gọi) nếu so sánh với vài Ngư nhàn thì câu này đắc hơn và hay hơn. Bởi chữ dùng trong bài Ngư nhàn "thụy trước", mà "thụy" là "ngủ" và "trước" cũng là "ngủ", như thế là bị lỗi lặp nghĩa khi dùng từ, một điều tối kỵ trong phép làm thơ.

Cho nên, theo tôi là cần phải trả lại bài thơ này cho Hàn Ô đời Đường của Trung Quốc, không nên nói bài thơ này là của Không Lộ, Việt Nam.



Còn bài Ngôn hoài của Không Lộ thì sao?

Bài thơ Ngôn hoài của Không Lộ có chép trong Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục như sau:

擇得龍蛇地可居,野情終日樂無餘.
有時直上孤風頂,長嘯一聲寒太虛.

Trạch đắc long xà địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.

Hữu thời trực thướng cô phong đính,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Dịch nghĩa: Lựa chọn thế đất rồng rắn có thể ở được, Suốt ngày vui với niềm vui có thừa ở đồng quê. Có lúc leo thẳng lên đỉnh núi, Cười vang một tiếng làm lạnh cả bầu trời.

Dịch thơ: Thế đất long xà chọn được nơi, Tình quê lai láng suốt ngày vui. Có khi xông thẳng lên đỉnh núi, Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.(9)

Trong khi đó sách Cảnh Đức truyền đăng lục đời Tống, Trung Quốc biên soạn, có chép bài thơ của Thích sử Lý Cao viết về tiếng cười của thiền sư Duy Nghiễm ở Dược Sơn như sau:

選得幽居合野情,終年無送亦無迎.
有時直上孤風頂,月下飛雲笑一聲.

Tuyển đắc u cư hiệp dã tình,
Chung niên vô tống diệc vô nghinh.
Hữu thời trực thướng cô phong đính,
Nguyệt hạ phi vân tiếu nhất thanh.

Dịch nghĩa: Chọn được thế đất u tịch để ở hợp với tình quê, Suốt năm không đưa tiễn ai cũng không nghênh đón ai. Có lúc leo thẳng lên đỉnh núi, Dưới trăng, mây bay cười lên một tiếng.

Về câu chữ, bài thơ của Không Lộ phần nhiều giống với bài thơ của Lý Cao (Lý Ngao) nhưng về tâm thế và tư thế của con người cùng chủ đề trong hai bài thơ thì khác nhau. Bài của Thích sử Lý Cao thể hiện hình ảnh con người hòa nhập với thiên nhiên, vũ trụ. Trong khi đó, bài của Không Lộ thể hiện hình ảnh con người mang khát vọng chinh phục, chế ngự vũ trụ.

Tiếng kêu dài làm lạnh cả bầu trời ấy, học giả Đặng Thai Mai cho là "một cảm hứng đạo học"(10). Còn GS. Nguyễn Đình Chú đã so sánh bài thơ của Không Lộ và bài thơ của Lý Cao viết về tiếng cười của thiền sư Duy Nghiễm có chép trong sách Cảnh Đức truyền đăng lục 景德傳燈錄 đời Tống và cho rằng "tiếng cười dưới trăng mây kia của Duy Nghiễm, tuy có hấp dẫn, nhưng dù sao chỉ là tiếng cười cao đạo của một con người đã không thích gì mấy sự hòa nhập trần gian"(11), còn tiếng cười của Không Lộ thì "trong tiếng kêu làm ớn lạnh cả "thái hư" (vũ trụ) này là cả một khát vọng phi thường: khát vọng hòa nhập vũ trụ mà thi sĩ đời nay - Chế Lan Viên - từng cho rằng "Không có tiếng kêu dài này thì không có chiến thắng Bạch Đằng"(12). GS. Trần Đình Sử thì nêu ý nghĩa biểu trưng của bài thơ: "Lên thẳng" là hình ảnh của đốn ngộ, xảy ra trong chốc lát, như ánh

chớp. “Đỉnh núi cao trơ trọi” đây thuần túy chỉ là ẩn dụ chỉ thế giới không vô. “Thái hư” là thế giới của nhà Phật mà chỉ những kẻ đắc đạo mới có thể đạt đến, và “cái tiếng kêu dài làm lạnh cõi thái hư ấy là dấu hiệu hòa nhập ta và thế giới, thế giới và ta”(13).

Hình ảnh con người chọn thế đất có thể dung nạp được mình, để hòa đồng và vui suốt ngày với thiên nhiên là hình ảnh con người mang khát vọng hòa nhập và chế ngự thiên nhiên được thể hiện qua lời thơ thoát phàm, bay bổng. Còn “tiếng kêu vang lạnh cả bầu trời” kia là tiếng reo của một người chứng ngộ, thoát khỏi cảnh giới trần thế. Cái tiếng kêu vang đã “làm lạnh cả bầu trời” kia thể hiện tư tưởng phá chấp triệt để và tinh thần của một con người đang ở trạng thái thoải mái khoáng đạt tột cùng, chứ không thể là của một người suốt ngày gõ mõ tụng kinh, câu nệ vào giáo lý một cách cứng nhắc khô khan. Tiếng kêu đó chính là trực cảm tâm linh, là trạng thái chứng ngộ của thiền sư. Nhờ trực ngộ mà con người hòa nhập vào bản thể vũ trụ(14).

Nói thế để khẳng định rằng: Hiện tượng vay mượn rồi cải biên để tạo một tác phẩm mới là một quy luật của văn học trung đại trên toàn thế giới chứ không riêng gì của văn học trong khu vực đồng văn Đông Á. Cho nên, ý kiến của tôi có khác với ý kiến của GS. Hà Văn Tấn. Tôi khẳng định đây là bài thơ của Không Lộ đời Lý.

Thành phố Hồ Chí Minh, đầu tháng 4/2026

Tác giả: **PGS.TS Nguyễn Công Lý(1)**
Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 5/2026

***

CHÚ THÍCH:

(1) Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM; nguyên GVCC Trường Đại học KHXH&NV,ĐHQG TP.HCM.

(2) Đúng ra tên tác giả này phải đọc là Lý Cao (Lý Ngao) 李翱. Do tự dạng chữ “Cao / Ngao” 翱 và chữ “Tường” 翔 có nét gần giống nhau nên GS. Hà Văn Tấn đọc nhầm thành Lý Tường 李翔.

(3) Hà Văn Tấn. “Vấn đề văn bản học các tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam”. Tạp chí Văn học. số 4. 1992. Tr 7-12.

(4) Bùi Duy Tân. “Hàn Ô mới là tác giả bài “Ngư nhàn”. Tạp chí Văn học, số 5, 2002. Tr 85-86.

(5) Kiều Thu Hoạch dịch. Thơ văn Lý – Trần, tập 1. NXB KHXH. Hà Nội. 1977. Tr.386.

(6) Hàn Ô 韓 偓 (842-923), (chữ 偓 còn đọc là ‘Ốc’,‘Ác’, nhưng khi gọi tên người thì đọc là ‘ô’), tự là Trí Nghiêu, Trí Quang, tiểu tự

là Đông Lang, tự hiệu là Ngọc Sơn tiều nhân. Người ở Vạn Niên, Kinh Triệu (nay là Tây An, Thiểm Tây), đỗ Tiến sĩ niên hiệu Long Kỷ (888-889) đời Đường Chiêu Tông, làm quan đến Hàn lâm Học sĩ, Trung thư xá nhân; rồi thăng đến Binh bộ Thị lang, Hàn lâm Thừa chỉ, sau vì không xu phụ Chu Ôn nên bị biếm chạy về nam, rồi mất. Thơ của ông là thơ cảm thời, thương loạn.

(7) Dẫn lại: Bùi Duy Tân, Hàn Ô mới là tác giả bài "Ngư nhàn", Tạp chí Văn học, số 5, 2002, tr 85-86.

(8) Nguyễn Công Lý dịch. Văn học Việt Nam thời Lý – Trần: những vấn đề về khuynh hướng, thể loại, tác gia tiêu biểu. NXB ĐHQG TP.HCM. 2018. Tr. ?

(9) Viện Văn học. Thơ văn Lý – Trần. Tập 1. NXB KHXH. Hà Nội. 1977. Tr 385.

(10) Đặng Thai Mai. "Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học". Thơ văn Lý – Trần. Tập 1. Tlđd. Tr. 41.

(11) Nguyễn Đình Chú. "Về bài thơ "Ngôn hoài" của Không Lộ thiền sư: chuyện rắc rối và cách đối xử". Kiến thức ngày nay, số 147, tháng 8/1994, tr. 11-13.

(12) Dẫn lại: Nguyễn Đình Chú, tlđd.

(13) Trần Đình Sử, Những thế giới nghệ thuật thơ, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 205-214.

(14) Nguyễn Công Lý, Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền thời Lý - Trần, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 144.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cảnh Đức truyền đăng lục. Bản dịch của Lý Việt Dũng. 3 tập. NXB ?

2. Nguyễn Đình Chú, "Về bài thơ "Ngôn hoài" của Không Lộ thiền sư: chuyện rắc rối và cách đối xử", Kiến thức ngày nay, số 147, tháng 8/1994.

3. Nguyễn Công Lý, Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền thời Lý – Trần. NXB Văn hóa - Thông tin. Hà Nội. 1997.

4. Nguyễn Công Lý, Văn học Việt Nam thời Lý – Trần: những vấn đề về khuynh hướng, thể loại, tác gia tiêu biểu. NXB ĐHQG TP.HCM. 2018.

5. Đặng Thai Mai. "Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học", trong Thơ văn Lý - Trần, tập 1, NXB KHXH. Hà Nội. 1977.

6. Bùi Duy Tân. Hàn Ô mới là tác giả bài "Ngư nhàn". Tạp chí Văn học. số 5, 2002.

7. Hà Văn Tấn. "Vấn đề văn bản học các tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam:. Tạp chí Văn học. số 4. 1992.

8. Trần Đình Sử, Những thế giới nghệ thuật thơ, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

9. Viện Văn học. Thơ văn Lý – Trần. Tập 1. NXB KHXH. Hà Nội. 1977.